

Số: 83/BC-CCTK

Tân Châu, ngày 9 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Phân tích các yếu tố chủ yếu tác động đến tăng/giảm giá trị sản xuất một số ngành kinh tế chủ yếu trên địa bàn huyện Tân Châu ước 6 tháng đầu năm 2023.

Căn cứ Công văn số 332/CTK-KT, ngày 05/6/2023 của Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh về việc thông báo kết quả thẩm định giá trị sản xuất một số ngành kinh tế chủ yếu 6 tháng đầu năm 2023;

Căn cứ kết quả tổng hợp điều tra mở rộng mẫu tính toán chỉ tiêu giá trị sản xuất cấp huyện. Chi cục Thống kê huyện Tân Châu báo cáo phân tích một số yếu tố tác động đến tăng/giảm giá trị sản xuất một số ngành kinh tế chủ yếu trên địa bàn huyện như sau:

I. Quy mô và tốc độ tăng, giảm giá trị sản xuất (GTSX)

1. Theo giá hiện hành.

Tổng giá trị sản xuất (GTSX) một số ngành kinh tế chủ yếu 6 tháng đầu năm 2023 đạt 12.030.187 triệu đồng; trong đó ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2.915.421 triệu đồng, chiếm 24,23% GTSX theo giá hiện hành, ngành công nghiệp và xây dựng đạt 8.156.606 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 67,80% tổng GTSX, ngành thương mại - dịch vụ đạt 958.161 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 7,96% tổng GTSX theo giá hiện hành.

2. Theo giá so sánh

Tổng giá trị sản xuất theo giá so sánh 6 tháng đầu năm 2023 đạt 8.078.824 triệu đồng, tăng 1,53% so với cùng kỳ (+121.586 triệu đồng). Tình hình hoạt động kinh tế 6 tháng đầu năm 2023 khó khăn dẫn đến tăng trưởng đạt thấp so với tốc độ tăng bình quân năm theo Nghị quyết của Huyện ủy huyện Tân Châu đề ra, cụ thể:

- Hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt giá trị 2.321.300 triệu đồng, tăng 1,82% (+41.414 triệu đồng) so với cùng kỳ năm trước. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 0,52 điểm % vào mức tăng của tổng

giá trị sản xuất, tỷ lệ đóng góp vào tốc độ giảm của của tổng giá trị sản xuất là 34,06%.

- Hoạt động sản xuất ngành công nghiệp và xây dựng đạt 5.160.399 triệu đồng, tăng 1,09% (+55.456 triệu đồng) so với cùng kỳ năm trước. Tăng trưởng của hoạt động công nghiệp, xây dựng đã đóng góp 0,7 điểm % vào tốc độ tăng trưởng GTSX của huyện theo giá so sánh. Trong đó:

+ Ngành công nghiệp tăng 0,5% (+22.355 triệu đồng) so với cùng kỳ, đóng góp 0,28 điểm % vào tốc độ tăng chung, tỷ lệ đóng góp vào tốc độ giảm của GTSX là 18,39%.

+ Ngành xây dựng tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp vào tăng trưởng chung toàn huyện là 0,42 điểm % và tỷ lệ đóng góp vào tốc độ giảm của GTSX là 27,22%.

- Hoạt động sản xuất của ngành thương mại, dịch vụ đạt 597.126 triệu đồng, tăng 4,32% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp vào tăng trưởng chung GTSX của toàn ngành kinh tế là 0,31 điểm %, tỷ lệ đóng góp vào tốc độ giảm của GTSX là 20,33%.

(Số liệu kèm theo Phụ lục 1 của Báo cáo này)

II. Phân tích một số nguyên nhân chủ yếu

1. Về hoạt động sản xuất nông nghiệp

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp nhìn chung giữ ổn định, hoạt động trồng trọt, chăn nuôi tăng 1,82% so với cùng kỳ chủ yếu có đóng góp tăng từ hoạt động chăn nuôi, đặc biệt là các dự án chăn nuôi công nghệ cao trên địa bàn, các hộ chăn nuôi quy mô lớn. Hoạt động chăn nuôi tăng 9,65% so với cùng kỳ năm trước.

- Hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn chiếm tỷ trọng thấp và có tốc độ tăng 0,28% so với cùng kỳ. Hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn không có nhân tố mới phát sinh, vì vậy tốc độ tăng luôn giữ ở mức thấp.

- Hoạt động sản xuất thủy sản trên địa bàn huyện giảm cả về khai thác và nuôi trồng thủy sản. GTSX ngành thủy sản chỉ bằng 92,75% so với cùng kỳ, Nguyên nhân của khai thác thủy sản giảm do nguồn lợi thủy sản từ hồ hồ Dầu Tiếng giảm, do các hình thức đánh bắt tận diệt và mực nước cao khó đánh bắt. Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản, các ao nuôi kém hiệu quả và cho năng suất không cao, hoạt động nuôi ba ba mới khôi phục và chưa ổn định.

2. Về hoạt động công nghiệp và xây dựng

- Hoạt động công nghiệp tăng 0,28% so với cùng kỳ do các nguyên nhân: Hoạt động khai khoáng (khai thác cát, đá) 6 tháng đầu năm do hoạt động của nhà máy xi măng giảm, một số doanh nghiệp khai thác cát do hết trữ lượng nên đã đóng mỏ hoặc chuẩn bị đóng mỏ. Hoạt động sản xuất lượng thực, thực phẩm, là một trong những ngành cấp 2 chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất ngành công nghiệp chỉ tăng 1,7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do sản phẩm tinh bột mì trên địa bàn khó khăn trong công tác tiêu thụ, hàng tồn kho trong các doanh nghiệp tăng cao, nguồn nguyên liệu đầu vào có giá cao và nguồn cung giảm. Ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác chỉ bằng 95,67% so với cùng kỳ do tình hình tiêu thụ sản phẩm chậm, nhà máy hoạt động trong ngành này tạm dừng sản xuất để bảo dưỡng nhà máy trong quý I.2023 ảnh hưởng đến kết quả 6 tháng đầu năm 2023. Ngành dệt và sản xuất điện là hai ngành có tỷ trọng lớn và tăng cao hơn so với mức tăng bình quân của ngành công nghiệp với mức tăng so với cùng kỳ lần lượt là 3,48% và 3,33%.

- Hoạt động xây dựng trên địa bàn tăng 5,03% so với cùng kỳ, đây là hoạt động có mức tăng trưởng cao nhất trong các nhóm ngành, tuy nhiên do tỷ trọng thấp vì vậy không ảnh hưởng nhiều đến mức tăng chung. Tốc độ tăng chủ yếu do các dự án chăn nuôi công nghệ cao trên địa bàn đang trong quá trình xây dựng cơ bản đã có những đóng góp quan trọng đối với tốc độ tăng trưởng. Hoạt động xây dựng hộ gia đình theo kết quả điều tra vẫn ở mức thấp do nguồn thu nhập của người dân phục hồi chậm sau dịch covid, tình hình thiếu việc làm cũng ảnh hưởng đến kết quả xây dựng của các hộ dân cư trên địa bàn.

3. Về hoạt động thương mại - dịch vụ

- Hoạt động thương mại trên địa bàn đã ổn định nhưng do thu nhập của dân cư tăng không cao (tình trạng thiếu việc làm, phục hồi sau dịch covid 19 diễn ra chậm). Điểm sáng của nhóm ngành này là hoạt động bán buôn vẫn giữ ổn định và có tốc độ tăng khá (+7,12%), vì vậy tốc độ tăng của ngành này đạt 5,69% so với cùng kỳ năm trước.

- Hoạt động dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,73% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu đến từ dịch vụ lưu trú, tăng 5,87% hoạt động này không còn chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19, tuy nhiên dịch vụ lưu trú có tỷ trọng nhỏ nên không ảnh hưởng nhiều đến tốc độ tăng của nhóm ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống.

* Đánh giá chung: Hoạt động kinh tế trên địa bàn huyện trong 6 tháng đầu năm 2023 xuất hiện nhiều khó khăn do ảnh hưởng của các nguyên nhân từ

bên ngoài là chủ yếu: Tình hình kinh tế thế giới, khu vực và trong nước đang chịu ảnh hưởng của khủng hoảng, hoạt động sản xuất trên địa bàn chịu tác động tiêu cực do các đơn hàng mới giảm, nhu cầu thị trường tăng thấp, thu nhập của người dân giảm do thiếu việc làm. Tuy nhiên, nền kinh tế huyện xuất hiện những điểm sáng như: Hoạt động chăn nuôi công nghệ cao trên địa bàn đang thu hút được các nhà đầu tư, Cụm Công nghiệp Tân Hội 2 đã được tỉnh Tây Ninh đưa vào danh mục kêu gọi đầu tư hạ tầng. Trong 6 tháng cuối năm, dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn sẽ còn gặp khó khăn do ảnh hưởng chung của toàn ngành kinh tế. Nếu có những thay đổi tích cực từ hoạt động chăn nuôi, sản xuất tinh bột mì, sản xuất xi măng và ngành dệt thì giá trị sản xuất theo giá so sánh sẽ đạt được chỉ tiêu Nghị quyết của Huyện ủy Huyện Tân Châu đề ra.

Trên đây là báo cáo phân tích các yếu tố chủ yếu tác động đến tăng /giảm giá trị sản xuất một số ngành kinh tế chủ yếu trên địa bàn huyện Tân Châu ước 6 tháng đầu năm 2023./.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê tỉnh;
- UBND huyện Tân Châu;
- Lưu VT.

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Duy Khánh

Phụ lục 1: Giá trị sản xuất một số ngành kinh tế chủ yếu 6 tháng đầu năm 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 83/BC-CCTK, ngày 09/6/2023 của Chi cục Thống kê huyện Tân Châu)

Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu nghị quyết năm 2023	Theo giá hiện hành (Tr.đồng)			Theo giá so sánh 2010 (Tr.đồng)				
		6 tháng 2022	6 tháng 2023	Cơ cấu 2023 (%)	6 tháng 2022	6 tháng 2023	% so sánh 2023/2023	Điểm đóng góp vào tăng/giảm chung (điểm %)	Tỷ lệ đóng góp vào tăng/giảm chung (100%)
Tổng số	3,21	11.540.304	12.030.187	100,00	7.957.238	8.078.824	101,53	1,53	100,00
Các ngành kinh tế									
<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	<i>1,52</i>	<i>2.834.941</i>	<i>2.915.421</i>	<i>24,23</i>	<i>2.279.885</i>	<i>2.321.300</i>	<i>101,82</i>	<i>0,52</i>	<i>34,06</i>
<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	<i>3,69</i>	<i>7.800.435</i>	<i>8.156.606</i>	<i>67,80</i>	<i>5.104.943</i>	<i>5.160.399</i>	<i>101,09</i>	<i>0,70</i>	<i>45,61</i>
Công nghiệp	3,50	6.738.373	7.030.318	58,44	4.446.740	4.469.096	100,50	0,28	18,39
Xây dựng	5,00	1.062.062	1.126.288	9,36	658.203	691.303	105,03	0,42	27,22
<i>Thương mại Dịch vụ</i>	<i>6,36</i>	<i>904.928</i>	<i>958.161</i>	<i>7,96</i>	<i>572.410</i>	<i>597.126</i>	<i>104,32</i>	<i>0,31</i>	<i>20,33</i>